

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 990/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 06/8/2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con, chia tài sản khi ly hôn.

NHÂN DANH QUỐC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Văn Sơn;

2. Ông Huỳnh Văn Bé.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Kim An – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi thuộc trường hợp không tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 365/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 334/2024/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 379/2024/QĐST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Sơn Thị Mỹ L**, sinh năm 1992. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: **3 đường H, tổ F, ấp C, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.**

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Thành N**, sinh năm 1978. (Vắng mặt không có lý do).

Địa chỉ: **Số A, đường H, ấp D, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện ngày 18/3/2024, bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà **Sơn Thị Mỹ L** trình bày: Bà **Sơn Thị Mỹ L** và ông **Nguyễn Thành N** tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 118 vào ngày 14/12/2021. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng sau đó ông bà phát sinh mâu

thuần; nguyên nhân do không hợp về tính cách, vợ chồng không có con chung, tính tình khác biệt dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, không hàn gắn được tình cảm. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà **L** yêu cầu Tòa án cho bà **L** được ly hôn với ông **N**.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* Bị đơn ông **Nguyễn Thành N**: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập tham gia phiên tòa; mặc dù ông **N1** nhận trực tiếp nhưng vắng mặt không có lý do cũng không nộp bản khai trình bày ý kiến của mình.

* *Tại phiên tòa*: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ tài liệu chứng cứ do nguyên đơn nộp và Tòa án thu thập được để giải quyết vụ án theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Bà **Sơn Thị Mỹ L** khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông **Nguyễn Thành N** nên căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì quan hệ tranh chấp trong vụ kiện này là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn hiện đang cư trú tại **số A, đường H, ấp D, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh** nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn - bà **Sơn Thị Mỹ L** đã có bản khai trình bày ý kiến của mình và nộp kèm theo các tài liệu chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện, đồng thời có đơn xin không tiếp tục hòa giải, đơn xin xét xử vắng mặt, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Bị đơn - ông **Nguyễn Thành N** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập tham gia phiên tòa; mặc dù ông **N** ký nhận trực tiếp nhưng vẫn vắng mặt không có lý do cũng không nộp bản khai

trình bày ý kiến của mình. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] Về sự tham gia của Viện kiểm sát: Tòa án không tiến hành thu thập các tài liệu chứng cứ nên vụ án này không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa để kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự theo quy định tại Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về yêu cầu của các đương sự:

[5.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà **Sơn Thị Mỹ L** và ông **Nguyễn Thành N** chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã **T**, huyện **C**, **Thành phố Hồ Chí Minh** cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 118 vào ngày 14/12/2021 nên quan hệ hôn nhân giữa bà **Sơn Thị Mỹ L** và ông **Nguyễn Thành N** là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà **Sơn Thị Mỹ L**: Hội đồng xét xử nhận thấy tại đơn xin ly hôn, các bản khai, biên bản ghi nhận ý kiến tại Tòa án, bà **Sơn Thị Mỹ L** cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình khác biệt, vợ chồng không có con chung dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, không hàn gắn được tình cảm. Nay bà **L** xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà **L** yêu cầu Tòa án cho bà **L** được ly hôn với ông **N**.

Bị đơn ông **Nguyễn Thành N** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả mở phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập tham gia phiên tòa. Mặc dù ông **N** nhận trực tiếp văn bản nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án vẫn vắng mặt không có lý do, điều này chứng tỏ ông **N** không quan tâm đến việc hàn gắn tình cảm, bỏ mặc cơ hội đoàn tụ, không tạo điều kiện để Tòa án hoà giải hàn gắn tình cảm hai bên theo luật định.

Xét thấy, hai bên không còn quan tâm chăm sóc nhau, phát sinh mâu thuẫn trầm trọng không thể hoà giải và không có khả năng đoàn tụ, hàn gắn tình cảm nên mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc bà **Sơn Thị Mỹ L** yêu cầu được ly hôn với ông **Nguyễn Thành N** là hoàn toàn có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5.2] Về con chung: Bà **L** khai không có con chung.

[5.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà **L** không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Về án phí: Bà **Sơn Thị Mỹ L** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 53; Điều 54; Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà **Sơn Thị Mỹ L** được ly hôn với ông **Nguyễn Thành N**.

2/ Về con chung: Bà **L** khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Bà **Sơn Thị Mỹ L** không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

4/ Về án phí: Bà **Sơn Thị Mỹ L** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0019679 ngày 05/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà **Sơn Thị Mỹ L** đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5/ Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND H.Củ Chi;
- THADS H.Củ Chi;
- UBND xã Tân Thạnh Đông;
- Đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hòa